

HÓA ĐƠN ĐI CHỢ

Bữa ăn: Sáng - Trưa - Xế (Sáng - Trưa - Phụ - Xế)
Độ tuổi: Mẫu giáo (3 - 6 tuổi)
Số trẻ: 138

Số tiền mỗi trẻ: 37,000

Thực đơn:
Sáng: Bánh ướt thịt bò, hẹ, cải caron, giá, nấm bào ngư, cà rốt, hành phi
- Uống sữa Netsure
Trưa: Com trắng
- Thịt heo nhồi đậu hũ sốt cà chua, hành lá, ngò rí
- Canh cá hủ nấu cải ngọt, gừng
- Bắp cải trái tim luộc
Xế: Bánh Flan
Xế chiều: Bánh canh thịt gà, nấm linh chi, hành phi, rau răm, tiêu xay, xả lách búp, củ cải

Stt	Mã hàng	Tên thực phẩm	Khối lượng thực (g)	Đơn giá (đồng/100g)	Thành tiền (đồng)
	* CHỢ				
1	0695	Dầu thực vật Tường An	1,700	3,140	53,380
2	0494	Đường cát	1,300	3,880	50,440
3	0523	Nước mắm loại I	800	4,400	35,200
4	0522	Nước mắm cá (loại đặc biệt)	1,000	6,160	61,600
5	N0966	Muối Iot	800	740	5,920
6	0004	Gạo tẻ máy	7,400	2,560	189,440
7	0120	Hành lá (hành hoa)	300	8,400	25,200
8	0164	Rau mùi (ngò rí)	350	8,930	31,255
9	0119	Hành tím (hành củ tươi)	200	6,300	12,600
10	0185	Tỏi ta	100	7,460	7,460
11	0647	Bánh ướt	8,000	2,200	176,000
12	0089	Cà rốt	600	6,300	37,800
13	0172	Rau xả lách	400	8,610	34,440
14	0118	Giá đậu xanh	600	2,730	16,380
15	0124	Hẹ lá	150	6,090	9,135
16	N0778	Nấm bào ngư	400	13,130	52,520
17	0286	Thịt bò loại II	1,900	36,750	698,250
18	N0809	Đậu hũ chiên	3,550	3,800	134,900
19	0087	Cà chua	2,100	7,670	161,070
20	0300	Thịt ba chỉ (nửa nạc, nửa mỡ)	1,500	21,110	316,650
21	N0770	Thịt nạc dăm	1,200	17,850	214,200
22	0190	Cải ngọt	3,100	5,880	182,280
23	0511	Gừng tươi	170	8,090	13,753
24	N0881	Cá hủ	1,600	24,990	399,840
25	0092	Cải bắp	1,100	6,510	71,610

26	N0753	Bánh canh	5,500	2,860	157,300
27	0512	Hạt tiêu	80	31,900	25,520
28	0103	Củ cải trắng	600	3,150	18,900
29	0212	Nấm thường tươi	375	18,480	69,300
30	0170	Rau răm	70	5,150	3,605
31	0098	Cải xanh	600	9,140	54,840
32	N0772	Thịt ức gà	1,900	12,920	245,480
33	0457	Sữa bột toàn phần	4,333.51	20,500	888,370
34	N0925	Bánh Flan caramel cao cấp	4,416	14,750	651,360
Tổng chợ					5,105,998

Tổng tiền thực phẩm	5,105,998
Tổng chi phí khác	0
Tiền được chi trong ngày	5,105,999
Số dư đầu ngày	-1
Số dư cuối ngày	1
Suất ăn lũy kế từ đầu tháng	0
Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng	60,680,000
Tiền chi lũy kế từ đầu tháng	60,680,000

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

CẤP DƯỠNG

KẾ TOÁN

Nguyễn Thị Huỳnh Lê

Nguyễn Thị Mỹ

Ngô Thị Ngọc Lan